

KHẢO LƯỢC VỀ MỘT VÀI TRƯỜNG PHÁI THUẬT NGỮ HỌC

A SKETCHY SURVEY OF SOME SCHOOLS IN TERMINOLOGY STUDIES

ĐỖ THÚY NHUNG

(TS, ĐHKHXH & NV, ĐHQG Hà Nội)

Abstract

Terminology studies is emerging subject in Vietnamese linguistics in general, and it also has very important role in Vietnamese applied linguistics as a bridge between linguistics and scientific and technological practice. The article's purpose is to sketch the main opinions of some schools in terminology studies in the World, such as: Germany- Austria's school, Czech's school and Quebec's school.

1. Thuật ngữ học là một ngành khoa học nghiên cứu về các quy luật thuật ngữ trong hệ thống từ vựng của ngôn ngữ toàn dân. Thuật ngữ học giai đoạn đầu cơ bản là một nhánh của nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng. Từ thập kỉ 70 đến nay, thuật ngữ học không những liên quan mật thiết đến ngôn ngữ học mà càng ngày càng cho thấy rõ vai trò đa ngành, liên ngành của nó. Đối với nền ngôn ngữ học Việt Nam thuật ngữ học là một điểm nóng trong ngôn ngữ học ở ta hiện nay. Nó là một phạm vi quan trọng của ngôn ngữ học ứng dụng, là một phương diện làm cho ngôn ngữ học có mối quan hệ chặt chẽ với tri thức và hoạt động thực tiễn. Như đã biết thuật ngữ học không phải là một ngành nghiên cứu độc lập mà còn có mối liên hệ mật thiết với các ngành khác, là cơ sở để tiến hành nghiên cứu liên ngành, nó còn có thể mở ra một hướng đi mới cho nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng. Nghiên cứu thuật ngữ học từ góc độ ngôn ngữ học là bổn phận và trách nhiệm của những người làm công tác ngôn ngữ học.

Lịch sử ngôn ngữ học cho thấy, việc nghiên cứu thuật ngữ (thuật ngữ học) không

phải đến bây giờ mới được chú ý. Nó đã được khởi nguồn từ lâu mà dưới đây xin điểm qua một số nét lịch sử và sơ lược về một số trường phái thuật ngữ học trên thế giới.

Ở châu Âu, thời cổ Hi Lạp và La Mã các học giả đã bắt đầu nghiên cứu vấn đề thuật ngữ. Các khái niệm ngành triết học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội ban đầu đều phải dùng thuật ngữ để biểu thị. Trung Quốc là một trong những nước có nền văn minh lâu đời nhất trên thế giới, trong nền văn hóa rực rỡ huy hoàng ấy cũng đã xuất hiện thuật ngữ biểu thị các khái niệm của triết học và khoa học. Do đó, ngay từ đầu thuật ngữ học đã có một mối liên hệ mật thiết với các ngành khoa học và với thực tiễn đời sống xã hội.

Từ thế kỉ XVIII đến nay, khoa học kĩ thuật phương Tây phát triển vượt bậc, giao lưu trao đổi khoa học kĩ thuật cũng trở nên thường xuyên hơn. Các khái niệm khoa học mới không ngừng ra đời, do đó xuất hiện các thuật ngữ để phản ánh những khái niệm khoa học này cũng ngày càng nhiều thêm. Như vậy, việc đặt tên và thống nhất các thuật ngữ đã trở thành vấn đề quan trọng hàng đầu cho

các nhà khoa học điều tra nghiên cứu. Điều đáng tiếc là trong thời kì đó chỉ có một số ít những nhà nghiên cứu ngôn ngữ học quan tâm điều tra và nghiên cứu thuật ngữ. Đại đa số họ là những nhà khoa học thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên. Nhà thực vật học nổi tiếng người Thụy Điển C.V.Linne (1707-1778) đã thu thập số lượng lớn tiêu bản thực vật, hai năm 1753, 1758 lần lượt xuất bản hai trong mười cuốn sách viết về thực vật là “*tạp chí thực vật*” và “*hệ thống tự nhiên*”, C.V Linne là người đầu tiên sáng lập ra “*nhị thức danh pháp*”, thống nhất những tên gọi hỗn loạn của các loài thực vật trước đây, có ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển của ngành nghiên cứu thực vật học. Ông còn căn cứ vào số lượng và vị trí của nhị hoa đưa ra phương pháp phân loại nhân tạo, chia thực vật hạt kín thành 23 lớp, thực vật hạt trần tổng hợp thành một lớp, cấu thành “Linne 24 lớp” được dùng rộng rãi cho đến thế kỉ XIX mới bị thuyết phân loại tự nhiên thay thế. Những nghiên cứu của Linne đã mở ra một hướng đi mới trong nghiên cứu phương pháp và nguyên tắc đặt tên cho thuật ngữ. Nhà hóa học người Pháp A.L. Lavoisier (1744-1829) cùng với ba nhà hóa học khác đã cùng nhau đưa ra một phương pháp hợp lí đầu tiên trong việc đặt tên cho các hợp chất. Năm 1289 ông còn viết thành một quyển “*Giáo trình hóa học cơ bản*”, ông là người sáng lập ra phương pháp đặt tên của hóa học hiện đại. Lavoisier chỉ ra rằng ngành khoa học nào cũng bao hàm rất nhiều yếu tố hiện thực, tư tưởng và từ ngữ chuyên ngành, tư tưởng khoa học được cấu thành bởi từ ngữ chuyên ngành và hiện thực khoa học. Nếu từ ngữ chuyên ngành biểu thị tư tưởng khoa học không chính xác thì hiện thực khoa học không còn đáng tin nữa. Năm 1777, Beckmann đưa ra phương pháp chỉnh lí và thống nhất thuật ngữ một cách hệ thống.

Bước vào thế kỉ XIX, rất nhiều quốc gia đã dần thành lập các *Hiệp hội nghiên cứu khoa học kĩ thuật*. Các hiệp hội này đều phát triển công tác nghiên cứu thuật ngữ liên quan

đến ngành mình ở những trình độ khác nhau. Ví dụ, Hiệp hội kĩ thuật Nga tiến hành nghiên cứu những thuật ngữ có ảnh hưởng lớn. Tại các hội nghị quốc tế người ta cũng đã bàn đến vấn đề thuật ngữ. Đại hội các nhà thực vật học quốc tế 1867, đã bàn đến các quy tắc thống nhất và đặt tên các thuật ngữ *thực vật học*, 1889 đại hội các nhà động vật học quốc tế cũng bàn đến các quy tắc thống nhất và đặt tên thuật ngữ ngành động vật học. Đại hội các nhà hóa học quốc tế năm 1892 cũng bàn đến quy tắc thống nhất và đặt tên các thuật ngữ trong hóa học. Cách đặt tên các thuật ngữ cũng phải được xác lập trên cơ sở tiếng La tinh, nhưng có thể căn cứ vào từng dân tộc, từng ngôn ngữ mà điều chỉnh. Các nhà ngôn ngữ học cũng bắt đầu quan tâm nghiên cứu thuật ngữ. Nhà ngôn ngữ học nổi tiếng của Đức – Áo H. Schuchhardt (1842 – 1927) ví những thuật ngữ không rõ ràng như thuyền đi trong sương mù. Ông chỉ ra một cách sắc bén rằng những thuật ngữ không rõ ràng rất khó xác định, trong rất nhiều trường hợp nó còn nguy hiểm hơn là đi thuyền trong sương mù.

Những năm đầu thế kỉ XX, với sự phát triển nhanh và vượt bậc của khoa học kĩ thuật, các hoạt động giao lưu trao đổi khoa học kĩ thuật quốc tế ngày càng thường xuyên hơn. Công tác *tiêu chuẩn hóa* và *quy phạm hóa thuật ngữ* ngày càng quan trọng và một tổ chức quốc tế điều hành công tác thuật ngữ đã ra đời. Năm 1906 thành lập *Ủy ban kĩ thuật điện quốc tế* (IEC), bắt đầu biên soạn cuốn *Từ điển công nghiệp điện quốc tế* với nhiều thứ tiếng. Năm 1936 thành lập *Ủy ban chuẩn hóa quốc tế* (ISA) với cơ quan kĩ thuật thứ 37 là Ủy ban thuật ngữ học. Năm 1951 *Tổ chức tiêu chuẩn quốc tế* (ISO), kế thừa công tác của cơ quan kĩ thuật thứ 37 của ủy ban chuẩn hóa quốc tế, thành lập *cơ quan điều phối và chuẩn hóa thuật ngữ*, vẫn giữ tên là *cơ quan kĩ thuật thứ 37* (ISO/TC 37) trụ sở chính của nó được đặt tại cục nghiên cứu tiêu chuẩn hóa ở Áo. Các công tác của ủy ban điều phối và chuẩn hóa thuật ngữ phạm vi quốc tế đã tạo

ra bước phát triển to lớn cho công tác tiêu chuẩn hóa thuật ngữ. Ngày nay thực sự đã bước vào thời kì phát triển thuật ngữ học hiện đại.

2. Một số trường phái thuật ngữ học chính

2.1. Trường phái thuật ngữ học Đức – Áo

Đại diện cho trường phái thuật ngữ học Đức – Áo là E. Wüster, I. Dahlberg, G. Wersig, H. Felber. E. Wüster là người đặt nền móng cho nền thuật ngữ học hiện đại. Sau khi tốt nghiệp khoa điện tử trường Đại học kĩ thuật Berlin, năm 1931 ông bảo vệ thành công luận án tiến sĩ thuật ngữ học trường Đại học Stuttgart rồi về vùng Wissembourg miền Nam nước Áo quê hương làm giám đốc của một nhà máy sản xuất đồ gỗ và thép lá. Cũng chính tại đây, ông thu thập các tài liệu liên quan đến nghiên cứu thuật ngữ, thành lập một thư viện tổng hợp thuật ngữ độc nhất vô nhị trên thế giới. Sau khi Wüster qua đời, thư viện này do Ủy ban tiêu chuẩn hóa quốc tế tiếp quản và từ đó dời đến Trung tâm thông tin thuật ngữ quốc tế ở Viên. Trong những năm tháng ở Wissembourg, ông còn xây dựng một *Viện nghiên cứu dân gian chuyên nghiên cứu về thuật ngữ*, ông còn tập hợp rất nhiều nhà nghiên cứu thuật ngữ học ở Viên về đó công tác, các nghiên cứu này về sau càng ngày càng mở rộng đến Cộng hòa Liên bang Đức, dần dần hình thành trường phái thuật ngữ học Đức – Áo. Wüster đã thông qua những tiêu chuẩn của *Tổ chức tiêu chuẩn thế giới* (ISO) xác định nguyên tắc chuẩn hóa thuật ngữ, khi đó tổng cộng có khoảng 230 bản thảo được đề nghị gửi ISO, hầu như tất cả đều do một tay ông làm. Các nghiên cứu của Wüster rất rộng, ông có hứng thú với rất nhiều bộ môn thuật ngữ, tiêu chuẩn hóa thuật ngữ, dẫn luận thuật ngữ, thiết lập dữ liệu thuật ngữ, dịch âm và sao chép, lí luận biểu tượng, phương pháp phân loại, quy hoạch ngôn ngữ, từ vựng học, phương pháp biên soạn từ điển và đó đều là những vấn đề ông có hứng thú. Từ năm 1972 đến năm 1974,

Wüster đảm nhiệm chức vụ giáo sư danh dự cho khoa ngôn ngữ học và ứng dụng ngôn ngữ học phổ thông của đại học Viên, lập ra môn học “nhập môn từ điển thuật ngữ học và lí luận thuật ngữ học”, giáo trình của môn học này là cơ sở để sau này hình thành một tài liệu chuyên khảo, năm 1979 là lần tái bản thứ 8 của tài liệu này. Suốt từ năm 1931 đến năm 1977 qua đời, Wüster chìm đắm trong nghiên cứu thuật ngữ học, cả cuộc đời cống hiến cho công cuộc xây dựng và hoàn thiện nền thuật ngữ học hiện đại.

Quan điểm chủ yếu của trường phái thuật ngữ học Đức – Áo là:

a. Nhấn mạnh tầm quan trọng của *khái niệm* trong thuật ngữ học. Họ cho rằng đầu tiên phải phân chia khái niệm, sau đó mới phân chia tên khái niệm, hệ thống khái niệm là cơ sở của thuật ngữ. Do đó, nghiên cứu thuật ngữ học nên bắt đầu từ khái niệm, tức là từ định nghĩa của khái niệm chứ không phải bắt đầu từ từ ngữ. Thuật ngữ học cần nghiên cứu hàng loạt các vấn đề như: bản chất của khái niệm, nguồn gốc sự ra đời của khái niệm, đặc trưng của khái niệm, mối quan hệ giữa các khái niệm với nhau, kết cấu của hệ thống khái niệm, định nghĩa và mô tả khái niệm, mối quan hệ giữa khái niệm và sự vật, quan hệ giữa khái niệm và tên gọi... Do phạm trù khái niệm không phụ thuộc vào phạm trù từ ngữ mà tồn tại độc lập nên phải đặc biệt chú ý nghiên cứu phạm trù khái niệm.

b. Trên phương diện ngôn ngữ học, thuật ngữ học thường chỉ dừng lại ở phạm trù từ vựng, sự thay đổi của hình thức thuật ngữ và quy tắc ngữ pháp đồng nhất với ngôn ngữ toàn dân, nó được đúc rút từ ngôn ngữ toàn dân.

c. Phương pháp thuật ngữ học là một phương pháp đồng bộ, nó chỉ quan tâm đến hiện trạng của hệ thống khái niệm chứ không đề cập đến sự phát triển của lịch sử.

d. Nhấn mạnh sự khác biệt giữa thuật ngữ học và ngôn ngữ học. Họ cho rằng, điểm

khác biệt giữa thuật ngữ học và ngôn ngữ học nằm ở chỗ: Ngôn ngữ học chỉ tiến hành mô tả ngôn ngữ, còn thuật ngữ học không chỉ mô tả mà còn tiến hành quy định ngôn ngữ. Hiện nay, bản tiêu chuẩn hóa từ vựng do *Tổ chức tiêu chuẩn quốc tế ISO* và các tổ chức khác biên soạn đã lên tới khoảng một vạn bản, những tiêu chuẩn này đều quy định cái này hay cái khác của thuật ngữ; ngôn ngữ học thường không đánh giá ngôn ngữ, nhưng thuật ngữ học thì đánh giá tất cả các thành phần của thuật ngữ để tiện cho việc chất lọc và sáng chế ra thuật ngữ mới; ngôn ngữ học đặc biệt chú trọng đến việc mô tả ngôn ngữ bản địa, thường không nhấn mạnh đến vấn đề quốc tế hóa, thuật ngữ học thì nhấn mạnh nguyên tắc chỉ đạo thống nhất trên thế giới trong công tác thuật ngữ ở từng quốc gia, nguyên tắc và phương pháp mang tính quốc tế này không đồng nghĩa với việc các nước có ngôn ngữ khác nhau thì khác nhau; ngôn ngữ học vừa chú trọng nghiên cứu ngôn ngữ viết vừa chú trọng nghiên cứu ngôn ngữ nói và ngữ âm còn thuật ngữ học thì chủ yếu nghiên cứu về thuật ngữ viết không chú trọng đến hình thức nói.

e. Trong nghiên cứu thuật ngữ học định nghĩa chiếm một vị trí quan trọng, để giữ gìn tính đồng nhất của định nghĩa thuật ngữ, họ đã thiết lập một phương pháp định nghĩa nghiêm ngặt và chặt chẽ.

g. Nhấn mạnh nền tảng ban đầu của hệ thống khái niệm trong từng ngành, từng bộ môn của thuật ngữ học, thuật ngữ học là công cụ để chuyển giao tri thức khoa học và ngôn ngữ.

2.2. Trường phái thuật ngữ học Tiệp Khắc

Đại diện cho trường phái thuật ngữ học Tiệp Khắc là D.Havranek, J.Horecky, K.Kocourek, M.Roudny... Trường phái ngôn ngữ học Praha là một trong ba trường phái lớn của ngôn ngữ học hiện đại. Chủ trương của trường phái này là dùng quan điểm thực tiễn để nghiên cứu vấn đề quy phạm của ngôn ngữ, cũng chính là bắt đầu từ các lĩnh vực của

đời sống xã hội đặc biệt là từ góc độ giao lưu khoa học kỹ thuật, văn hóa, văn minh của nhân loại để nghiên cứu các vấn đề quy phạm ngôn ngữ, mục tiêu ứng dụng của lý luận ngôn ngữ học ở chỗ cải thiện tình hình sử dụng ngôn ngữ, đẩy mạnh công tác quy phạm ngôn ngữ. Trường phái thuật ngữ học Tiệp Khắc có ảnh hưởng rất lớn từ quan điểm này của trường phái ngôn ngữ học Praha. Thuật ngữ học Tiệp Khắc bắt đầu từ thập kỷ 30, sự hình thành và phát triển của nó có liên quan mật thiết đến việc gìn giữ ngôn ngữ và văn hóa Tiệp Khắc, trường phái này thực chất là đại biểu nghiên cứu thuật ngữ học trong trường phái ngôn ngữ học Praha.

Quan điểm chủ yếu của trường phái ngôn ngữ học Tiệp Khắc là:

a. Kế thừa truyền thống của trường phái ngôn ngữ học Praha, nhấn mạnh nghiên cứu các vấn đề thuật ngữ bắt đầu từ góc độ ngôn ngữ học. Họ cho rằng cần có ý thức mở rộng tập quán ngôn ngữ của đại đa số cư dân đã công nhận, tăng cường việc xác định những ảnh hưởng của xã hội đối với vấn đề phong tục tập quán sử dụng, loại bỏ những hiện tượng ngôn ngữ vẫn được số ít người sử dụng không phù hợp hoặc không chính xác hoặc quá rườm rà so với tập quán sử dụng của số đông.

b. Coi trọng nghiên cứu chức năng giao tiếp xã hội của thuật ngữ, để phát huy vai trò giao tiếp xã hội của thuật ngữ, họ chủ trương: Thuật ngữ không cần có nhiều mối liên hệ với ngôn ngữ sử dụng hàng ngày để tránh việc phát sinh nghĩa khác; khi chọn những thuật ngữ chuẩn từ nhiều thuật ngữ đồng nghĩa cần chọn những thuật ngữ có khả năng tồn tại lớn; không nên can dự quá nhiều vào vấn đề quốc tế hóa thuật ngữ, tiếp thu ngôn ngữ ngoại lai có thể làm phong phú thêm thuật ngữ của ngôn ngữ bản địa.

c. Chú ý nghiên cứu và phân tích đặc tính của thuật ngữ, họ cho rằng nghiên cứu đặc điểm của thuật ngữ là tiền đề để sáng tạo, phiên dịch và vay mượn thuật ngữ.

2.3. Trường phái thuật ngữ học Quebec – Canada

Đại diện cho trường phái thuật ngữ học Quebec – Canada là G. Rondeau, đây là trường phái sinh sau đẻ muộn của thuật ngữ học hiện đại, mãi đến thập kỷ 70 nó mới hình thành, họ phần lớn là tiếp thu và kế thừa những quan điểm của các trường phái khác, đồng thời ứng dụng nó vào thực tiễn công tác thuật ngữ, đã đạt được những thành tích đáng chú ý trên phương diện thiết lập cơ sở dữ liệu thuật ngữ. Rondeau đã xây dựng hệ thống bài giảng thuật ngữ cho trường Đại học Lavelle ở Quebec đồng thời hướng dẫn và dìu dắt các tiến sĩ và thạc sĩ thuật ngữ học.

Quan điểm chủ yếu của trường phái thuật ngữ học Quebec – Canada là:

a. Khái niệm là cơ sở của thuật ngữ, đơn vị khái niệm là đối tượng phân loại và định nghĩa thuật ngữ, cũng chính là xuất phát điểm để đặt tên cho thuật ngữ, công tác thuật ngữ cần được xây dựng trên cơ sở hệ thống các cấp bậc của khái niệm.

b. Bản chất của *khái niệm* là biểu tượng ngôn ngữ được tạo thành bởi khái niệm và tên gọi, nó có thể là một bộ phận riêng biệt của hệ thống khái niệm vì trong tổng thể hệ thống khái niệm nó với các khái niệm khác cùng tồn tại, phụ thuộc và hạn chế lẫn nhau.

c. Tiến hành công tác tiêu chuẩn hóa thuật ngữ nên bắt đầu từ góc độ ngôn ngữ học xã hội, trong công tác này cần chú ý đến sự khác biệt giữa tiêu chuẩn và khuyến nghị tiêu chuẩn.

d. Các chính sách liên quan đến công tác thuật ngữ cần có mối liên hệ chặt chẽ với quy hoạch ngôn ngữ.

e. Thuật ngữ không phải là cái gì đó không bao giờ thay đổi, cần đặc biệt chú ý các thuật ngữ mới phát sinh trong nghiên cứu thuật ngữ.

Trường phái thuật ngữ học Quebec – Canada đã tổng hợp hàng loạt các nghiên cứu của thuật ngữ học thế giới, đặc biệt của Wüster, trường phái này luôn có vai trò

rất quan trọng trong nghiên cứu thuật ngữ học thế giới. Cục quản lý pháp ngữ trong Ban thư ký thứ hai của Ủy ban 37 của Tổ chức tiêu chuẩn thế giới đặt tại Quebec phụ trách việc biên soạn từ điển thuật ngữ và từ vựng chuyên ngành, họ đã tổ chức biên soạn và phát hành rất nhiều công trình nghiên cứu có ảnh hưởng lớn tới ngành thuật ngữ học quốc tế, tiêu biểu như: “sắp xếp phân loại từ vựng đơn ngữ”, “phân loại nguyên tắc biên tập từ vựng”...

2.4. Trường phái thuật ngữ học Nga

Đại diện cho trường phái thuật ngữ học Nga là D.S.Lotte, E.K.Drezen, B.Golovin, V.Danilenko... Vào đầu thập kỷ 30, những học giả Nga bắt đầu nghiên cứu về thuật ngữ học, họ dịch tác phẩm “Quy phạm ngôn ngữ quốc tế trong các ngành kỹ thuật xây dựng (đặc biệt là ngành điện cơ)” của Wüster sang tiếng Nga, thành lập ủy ban kỹ thuật thuật ngữ, sau đó đổi tên thành Ủy ban kỹ thuật thuật ngữ viện khoa học Nga (KNTT), ủy ban này phụ trách việc xây dựng cơ sở lý luận thuật ngữ học, thiết lập nguyên tắc hệ thống khái niệm thuật ngữ và kết cấu thuật ngữ, thiết lập việc đề nghị biên soạn các thuật ngữ, bảng thuật ngữ và tiêu chuẩn thuật ngữ, thiết lập nguyên tắc sáng tạo và sử dụng thuật ngữ.

Quan điểm chủ yếu của trường phái thuật ngữ học Nga là:

a. Đối tượng nghiên cứu thuật ngữ học thuộc phạm trù ngôn ngữ, phương pháp giải quyết các vấn đề của thuật ngữ học nên bắt đầu tìm hiểu từ ngôn ngữ học, trong nghiên cứu thuật ngữ học nên ứng dụng những thành quả của nghiên cứu ngôn ngữ học. Phương pháp nghiên cứu thuật ngữ học của trường phái Nga thường xuất phát từ các lĩnh vực của các đơn vị ngôn ngữ, thiết lập hệ thống khái niệm, chứ không giống như trường phái Đức – Áo sự phân chia khái niệm luôn bắt đầu từ sự phân chia tên gọi.

b. Thuật ngữ học là một ngành khoa học ứng dụng, nó cần phải giải quyết các nguyên

tắc và phương pháp của các vấn đề thực tế. Nghiên cứu thuật ngữ học ở Nga trước tiên phải giải quyết các vấn đề xuất hiện trong tiếng Nga và ngôn ngữ của các nước cộng đồng SNG, ví dụ như vấn đề tiêu chuẩn hóa thuật ngữ và sáng tạo thuật ngữ mới.

c. Nghiên cứu thuật ngữ học có liên quan mật thiết đến văn hóa xã hội, các trường đại học và các viện nghiên cứu ở Nga đều rất coi trọng các vấn đề thuật ngữ, đại bộ phận các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học không thuộc trường đại học nào đó thì lại thuộc viện nghiên cứu, các học viện ở Nga trực tiếp nắm giữ công tác thuật ngữ, họ luôn coi nghiên cứu thuật ngữ như một vấn đề văn hóa xã hội.

Ban thư kí đầu tiên của cơ quan thứ 37 của *Tổ chức chuẩn hóa quốc tế TC37* đặt tại Maxcova do Viện nghiên cứu mã hóa và phân loại thông tin kỹ thuật toàn quốc thuộc *Ủy ban tiêu chuẩn hóa nước Nga* phụ trách. Dưới chỉ đạo của Ban thư kí đầu tiên, rất nhiều văn kiện và tiêu chuẩn được đưa ra có ảnh hưởng rộng rãi trong giới thuật ngữ quốc tế như “từ vựng thuật ngữ học”; “phương pháp và nguyên tắc đặt tên thuật ngữ”; “thống nhất khái niệm thuật ngữ quốc tế”.

Những nhà thuật ngữ Nga như V.V.Vinogradov, A.A.Reformaski, G.O.Vinokuz cho rằng thuật ngữ không phải là từ, ngữ đặc biệt mà chỉ là từ, ngữ với chức năng đặc biệt. Bất cứ từ ngữ nào cũng được cấu tạo để có vai trò thuật ngữ. Về mối quan hệ giữa thuật ngữ và khái niệm ta thường hiểu thuật ngữ gọi tên khái niệm hay thuật ngữ biểu đạt khái niệm, thuật ngữ xác định khái niệm. Song gần đây, theo tác giả V.M.Leitchik (2009) thì các diễn đạt đó là không chính xác, bởi vì nó thiếu sự phân biệt khái niệm logic và khái niệm chuyên ngành về khoa học, công nghệ, kinh tế...được xác định trong lý thuyết về các lĩnh vực chuyên môn đó. Leitchik khẳng định rằng các tiêu chí, thuộc tính của khái niệm logic nằm bên

trên, thuộc tầng trên trong cấu trúc nội dung của thuật ngữ, còn cấu trúc ngữ nghĩa thuộc tầng nền ngôn ngữ của nó. Ông chủ trương thuật ngữ là sản phẩm đa tầng gồm tầng nền là ngôn ngữ tự nhiên và tầng trên là thuộc về logic. Cả tầng trên (superstratum) lẫn tầng nền (substratum) bao bọc hạt nhân thuật ngữ là nghĩa khái niệm chuyên ngành cùng hình thức, chức năng của thuật ngữ. Nội dung thuật ngữ biểu đạt có tác động qua lại giữa tầng nền ngôn ngữ và tầng trên logic.

Những công hiến lý luận và thực tiễn phong phú của trường phái thuật ngữ Nga là vô cùng to lớn và quý giá. Rất vui mừng là những công hiến này đã được giới Việt ngữ học tiếp thu vận dụng và gần đây đã có những giới thiệu một cách công phu hệ thống trên tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư mà ở đây chúng tôi không có điều kiện tổng hợp. Một vài lược khảo của chúng tôi ở trên cũng chỉ mong muốn cung cấp thêm những gợi mở, chầm phá sơ lược mà thôi.

Tài liệu tham khảo

1. Danilenko V.P (1977), *Thuật ngữ học Nga: Thử miêu tả ngôn ngữ học* (tiếng Nga). Moskova.
2. Leitchik V.M (2009), *Thuật ngữ học. Đối tượng, phương pháp, cấu trúc* (tiếng Nga). Moskova.
3. Nguyễn Văn Lợi (2010), *Những vấn đề lý luận trong thuật ngữ học ở Liên bang Nga*. Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư, số 6.2010: 21-31.
4. 冯志伟, 现代术语学引论, 语文出版社, 1997 年出版.
5. 冯志伟, 科技术语的性质及其理论模型, 见“自然科学术语研究”, 1991 年, 第一期.
6. 冯志伟, 从语言的角度看科技术语之间的关系, 见“自然科学术语研究”, 1991 年, 第二期.
7. 冯志伟, 现代语言学流派, 陕西人民出版社, 1987 年, 西安.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 11-12-2012)